Tổng hợp thị trường tuần

Số liệu cập nhật đến 13/11/2026

TÍCH LŨY VÀ THẬN TRỌNG

Shinhan Securities

Chiến lược tuần

Tiêu điểm tuần

- Thị trường đặt cược 100% Fed tăng lãi suất tháng 12: Theo CME FedWatch, thị trường đã phản ánh 100% khả năng Fed sẽ tăng thêm lãi suất trong cuộc họp tháng 12 (bao gồm 13% xác suất tăng 50bps)
- Thông qua Dự toán Ngân sách Nhà nước 2027 mở rộng: Ngày 10/11, Quốc hội chính thức thông qua kế hoạch ngân sách năm 2027 với bội chi mở rộng lên 739,6 nghìn tỷ đồng (tương đương 4,5% GDP)
- Quyết định 2184/QĐ-TTg nâng hạn mức vay nước ngoài tự vay, tự trả của doanh nghiệp năm 2026: Vay ngắn hạn: Tốc độ tăng dư nợ tối đa 27% so với cuối năm 2025, tăng từ mức 19–20% trước đó. Vay trung và dài hạn: Tăng từ 6,124 tỷ USD lên tối đa 10 tỷ USD/năm (+63%)

DỮ LIỆU THỊ TRƯỜNG TUẦN

Tên chỉ số	Giá đóng cửa	% thay đổi 1W	% thay đổi 1M	% thay đổi 3M	% thay đổi YTD	Vốn hóa (tỷ USD)
VN-Index	1,734.9	+0.6%	+0.9%	-1.7%	-2.8%	326.1
Upcom Index	121.4	-0.3%	-2.0%	-5.2%	+0.3%	25.5
HNX Index	255.0	-0.7%	-3.5%	-10.0%	+2.5%	15.8
VN30 Index	1,844.9	-0.1%	-0.9%	-3.4%	-9.1%	247.8
S&P 500 Index	n/a	+2.9%	-2.7%	-2.6%	+10.9%	67,949.0
STOXX Europe 600 Index	662.6	+2.1%	+4.3%	+0.4%	+11.8%	18,628.0
Hang Seng	23,637.6	-3.4%	-2.9%	-6.9%	-7.8%	3,680.5
Nikkei 225	61,142.3	+6.5%	-9.8%	-10.5%	+21.5%	6,268.7
SHCOMP Index	3,634.4	-0.4%	-4.4%	-7.5%	-8.4%	9,292.2
STI Index	5,235.3	+1.0%	-3.7%	-8.5%	+12.6%	599.4
KOSPI Index	5,290.5	+4.6%	-12.3%	-22.4%	+25.5%	3,181.5

Nguồn: Bloomberg.

THANH KHOẢN TOÀN THỊ TRƯỜNG TRUNG BÌNH — THEO NHÓM VỐN HÓA

Giá trị giao dịch trung bình tuần

TUẦN NÀY	TUẦN TRƯỚC	% THAY ĐỔI SO VỚI TUẦN TRƯỚC
11,717.6 tỷ VND	13,751.2 tỷ VND	-14.8% giá trị giao dịch trung bình

Nhóm vốn hóa	% thay đổi giá 1W	1M	3M	YTD	% thay đổi giá trị giao dịch 1W	1M	3M	YTD	Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Định giá P/E	P/B	Vốn hóa (tỷ VND)
Vốn hóa lớn Large Cap	+0.7%	+2.0%	+2.4%	+3.0%	-15.1%	-7.9%	-13.0%	-39.6%	84.7	15.2x	2.3x	7,785,010.5
Vốn hóa trung bình Mid Cap	-0.4%	+0.3%	-4.8%	-13.7%	-8.8%	-5.9%	+4.8%	-30.0%	14.6	9.4x	1.1x	522,872.1
Vốn hóa nhỏ Small Cap	-0.4%	-2.5%	-13.0%	-27.2%	-54.3%	-27.3%	-19.7%	-39.1%	0.7	10.0x	0.6x	71,512.9

Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

ĐÓNG GÓP VÀO VN-INDEX

TOP 10 NÂNG ĐỠ

VIC	+0.8	(+3.6%)
VBB	+0.0	(+24.9%)
VJC	+0.0	(+3.5%)
STB	+0.0	(+1.7%)
LPB	+0.0	(+2.1%)
POW	+0.0	(+5.7%)
TCB	+0.0	(+0.9%)
VPL	+0.0	(+1.2%)
REE	+0.0	(+5.9%)
VCB	+0.0	(+0.4%)

TOP 10 KÉO GIẢM

VNM	-0.1	(-7.3%)
MCH	-0.1	(-4.9%)
BSR	-0.1	(-3.4%)
GAS	-0.0	(-1.9%)
CTG	-0.0	(-1.1%)
VCK	-0.0	(-4.0%)
MSN	-0.0	(-2.5%)
GEE	-0.0	(-6.2%)
TCX	-0.0	(-2.2%)
FPT	-0.0	(-1.4%)

Đóng góp (điểm phần trăm) = tỷ trọng vốn hóa trong VN-Index × % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu từ 06/11/2026 đến 13/11/2026; số trong ngoặc là % thay đổi vốn hóa của cổ phiếu trong cùng kỳ. Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN VN-INDEX VÀ P/E — 1 NĂM GẦN NHẤT



GẦN NHẤT (13/11)	CAO NHẤT (18/05)	THẤP NHẤT (23/03)	P/E GẦN NHẤT
1,734.9	1,927.9	1,591.2	11.5x

Nguồn: Bloomberg.

GÓC NHÌN THỊ TRƯỜNG

ĐÁNH GIÁ

Thị trường không rõ xu hướng do không có ngành dẫn dắt rõ rệt. Đây sẽ là diễn biến chính trong thời gian tới. Tuần này dòng tiền có xu hướng tham gia vào nhóm điện và bất động sản dân dụng nhưng con sóng sẽ khó kéo dài. Giá dầu có hướng hạ nhiệt nhưng FED có xác suất cao tăng lãi suất góp phần khiến thị trường diễn biến khá trung lập.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

Thị trường kết tuần tại 1,734.9 điểm (+9.57 điểm) biến động thấp với thanh khoản giảm. Khối ngoại vẫn bán ròng. Thị trường phân hóa và chủ yếu tích lũy. Hỗ trợ và kháng cự tương ứng là 1,700 – 1,780.

HỖ TRỢ	KHÁNG CỰ
1,700	1,780

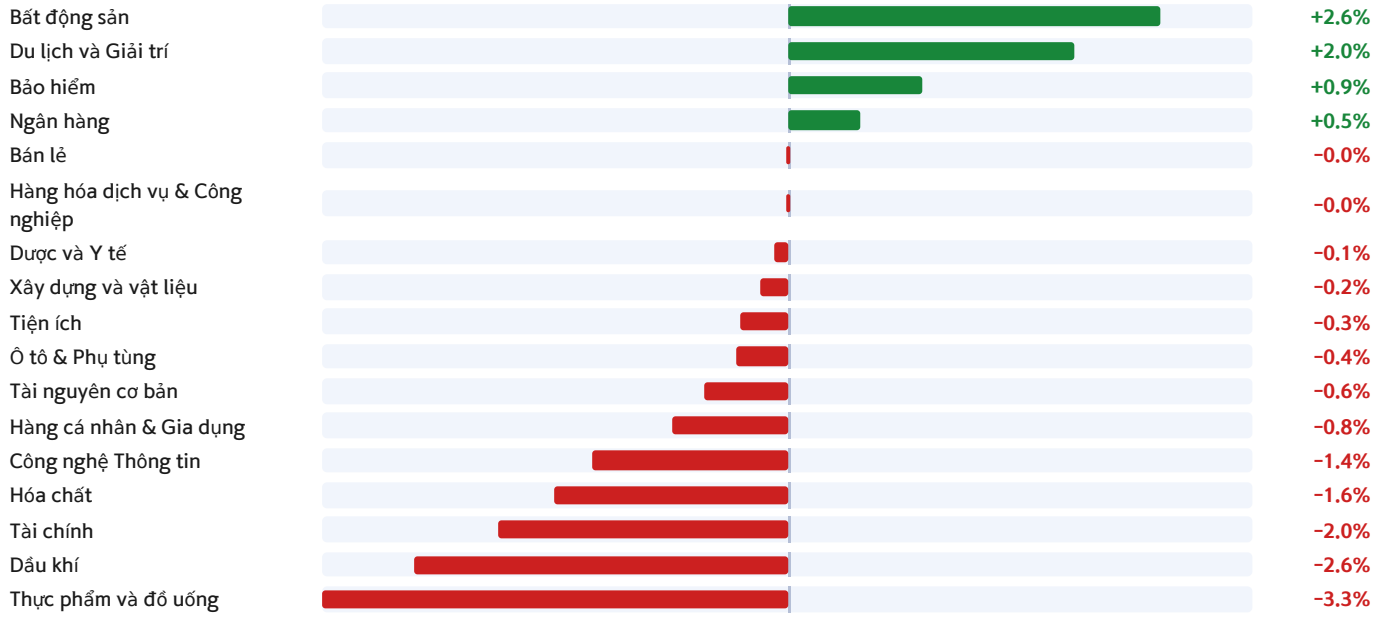
Ý TƯỞNG ĐẦU TƯ

Nhà đầu tư chỉ nên nhìn chỉ số chung với ý nghĩa tham chiếu khi thị trường bị chi phối mạnh bởi nhóm Vingroup. Nhà đầu tư nên chốt lời nhanh với nhóm bất động sản dân dụng và xây dựng vì đã tăng tương đối mạnh. Nhà đầu tư ngại rủi ro nên ưu tiên nhóm beta thấp, chi trả cổ tức cao, nợ vay thấp.

Diễn biến nhóm ngành

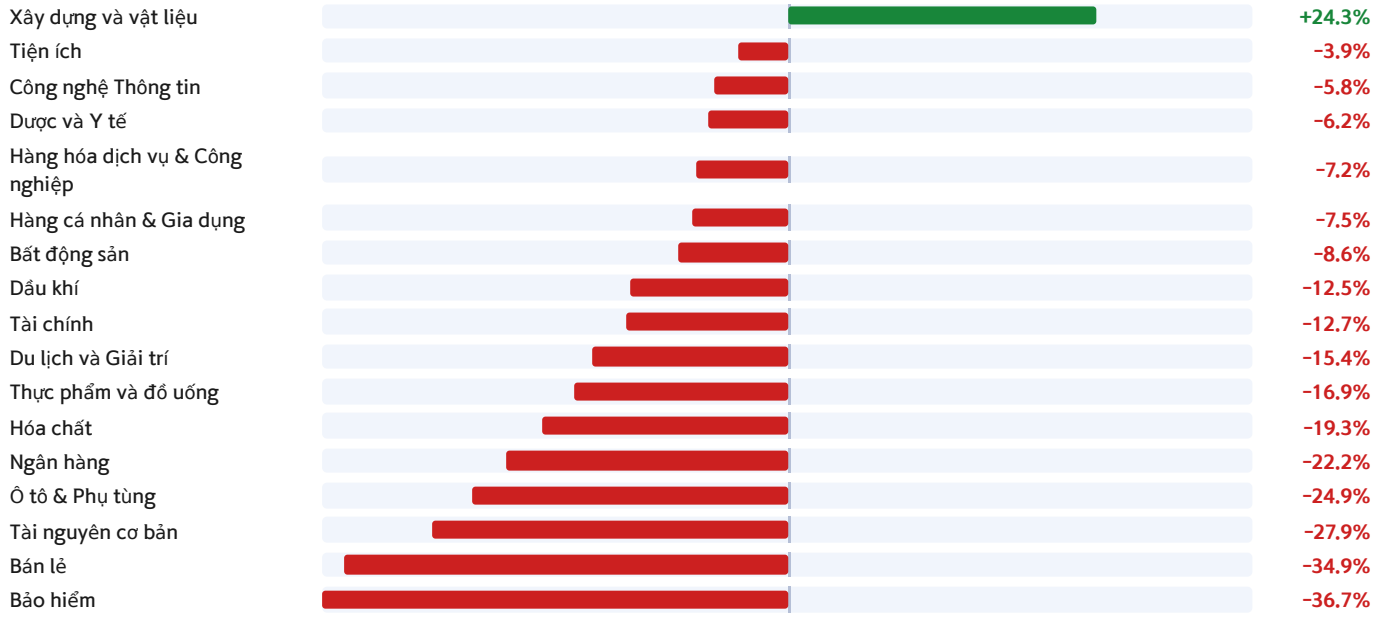
TĂNG MẠNH NHẤT (1W)	GIẢM MẠNH NHẤT (1W)	TỶ TRỌNG GIAO DỊCH LỚN NHẤT
+2.6%	-3.3%	25.0%
Bất động sản	Thực phẩm và đồ uống	Ngân hàng

% THAY ĐỔI GIÁ 1W THEO NGÀNH



Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

% THAY ĐỔI GIÁ TRỊ GIAO DỊCH 1W THEO NGÀNH



Nguồn: FiinPro, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

DIỄN BIẾN 19 NGÀNH ICB CẤP 2

Tên ngành	% thay đổi giá			% thay đổi giá trị giao dịch			Tỷ trọng giá trị giao dịch (%)	Vốn hóa (tỷ VND)
	1M	3M	YTD	1M	3M	YTD		
Bất động sản	+9.7%	+11.9%	+18.8%	+3.2%	-11.5%	-29.7%	19.4	2,735,656.9
Du lịch và Giải trí	+12.8%	+14.1%	-6.9%	-13.4%	-11.8%	-30.5%	1.8	351,119.5
Bảo hiểm	-9.0%	-6.2%	+6.8%	-38.4%	-32.6%	-39.0%	0.3	59,321.2
Ngân hàng	-1.9%	-1.3%	-2.8%	-22.1%	-21.7%	-43.4%	25.0	2,493,369.8
Bán lẻ	-0.9%	+0.5%	-10.3%	-32.8%	-34.3%	-60.0%	2.2	155,737.2
Hàng hóa dịch vụ & Công nghiệp	-1.0%	-2.5%	-20.0%	-16.8%	-15.4%	-35.8%	6.2	211,545.1
Dược và Y tế	-5.1%	-7.4%	-18.1%	-11.9%	-39.6%	-28.0%	0.3	32,946.3
Xây dựng và vật liệu	+0.1%	-3.0%	-13.9%	+36.3%	+63.8%	-26.7%	4.8	122,814.2
Tiện ích	-2.0%	-5.7%	-3.3%	-12.0%	-27.3%	-61.8%	1.4	314,938.5
Ô tô & Phụ tùng	-0.5%	-10.6%	-6.9%	-21.9%	-8.4%	-44.5%	0.3	16,112.0
Tài nguyên cơ bản	+1.0%	-0.5%	-10.0%	-7.8%	+6.2%	-35.7%	5.1	217,421.6
Hàng cá nhân & Gia dụng	-5.1%	-26.4%	-50.1%	-26.0%	-40.4%	-38.3%	1.3	29,559.2
Công nghệ Thông tin	-13.1%	-19.3%	-41.3%	+5.7%	+17.9%	-32.9%	4.3	104,769.8
Hóa chất	-7.0%	-7.7%	-2.7%	-20.7%	-41.4%	-71.4%	1.6	185,447.8
Tài chính	+2.7%	-6.6%	-10.4%	+21.0%	+25.3%	-17.8%	17.7	437,988.9
Dầu khí	-9.0%	-3.5%	+29.1%	-26.1%	-44.2%	-62.2%	2.6	185,448.5
Thực phẩm và đồ uống	-5.6%	-6.3%	-17.3%	-14.0%	-16.6%	-41.4%	5.8	553,914.7

Sắp xếp theo % thay đổi giá 1W. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FiinPro, Bloomberg.

Định giá

P/E VÀ P/B SO SÁNH QUỐC TẾ

P/E SO SÁNH QUỐC TẾ

VN-Index	11.5x
S&P 500 Index	26.0x
STOXX Europe 600 Index	17.5x
Hang Seng	12.1x
Nikkei 225	21.6x
SHCOMP Index	16.8x
KOSPI Index	7.7x

P/B SO SÁNH QUỐC TẾ

VN-Index	1.9x
S&P 500 Index	5.5x
STOXX Europe 600 Index	2.5x
Hang Seng	1.3x
Nikkei 225	2.8x
SHCOMP Index	1.4x
KOSPI Index	1.6x

Nguồn: Bloomberg.

DIỄN BIẾN P/E VÀ P/B CỦA VN-INDEX

P/E VN-Index

15/11/2019 – 13/11/2026



HIỆN TẠI (13/11)	TRUNG BÌNH	-1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	+1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	SO VỚI TRUNG BÌNH
11.5x	16.4x	13.3x	19.4x	-29.6%

P/B VN-Index

15/11/2019 – 13/11/2026



HIỆN TẠI (13/11)	TRUNG BÌNH	-1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	+1 ĐỘ LỆCH CHUẨN	SO VỚI TRUNG BÌNH
1.9x	2.0x	1.7x	2.4x	-7.9%

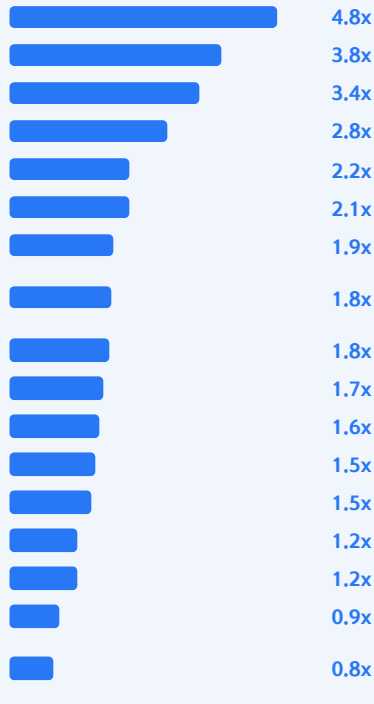
Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

P/E VÀ P/B THEO NHÓM NGÀNH ICB CẤP 2

P/E THEO NGÀNH



P/B THEO NGÀNH



Sắp xếp từ cao đến thấp. Chưa có số liệu: Truyền thông, Viễn thông. Nguồn: ICB cấp 2 — FiinPro, Bloomberg.

Dòng vốn ngoại

KHỐI NGOẠI MUA	KHỐI NGOẠI BÁN	KHỐI NGOẠI RÒNG	TỰ DOANH RÒNG
8,179.9	8,989.6	-798.2	-175.1
tỷ VND	tỷ VND	tỷ VND	tỷ VND

GIAO DỊCH KHỐI NGOẠI — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

TOP 10 MUA RÒNG

POW	+263.7
VIX	+182.3
HDB	+170.0
TCB	+134.2
DXG	+114.8
CTD	+111.7
VHM	+106.9
MBB	+91.2
VPB	+86.7
VJC	+66.4

TOP 10 BÁN RÒNG

FPT	-892.5
STB	-161.8
PNJ	-108.8
MSB	-106.6
VCK	-86.2
VCI	-85.8
BID	-74.0
BSR	-72.7
GMD	-61.9
MCH	-59.0

GIAO DỊCH TỰ DOANH — TOP MUA/BÁN RÒNG (TỶ VND)

TOP 10 MUA RÒNG

VIX	+258.5
GMD	+79.0
REE	+66.2
VPB	+51.6
MSN	+37.7
NLG	+32.6
OPC	+29.0
PVT	+20.8
MWG	+20.7
BID	+19.4

TOP 10 BÁN RÒNG

CTG	-220.9
TCB	-219.6
SSI	-92.0
POW	-67.6
MBB	-66.0
VHM	-56.7
SJS	-27.6
KDH	-26.6
GAS	-24.3
STB	-23.0

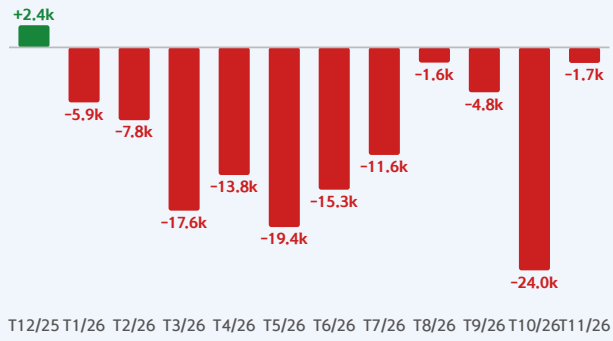
MUA/BÁN RÒNG THEO NGÀNH — TỰ DOANH VÀ NƯỚC NGOÀI (TỶ VND)

Ngành ICB cấp 2	Tự doanh	Khối ngoại
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-26.7	+312.5
Ngân hàng	-467.6	+194.7
Bất động sản	-85.5	+131.1
Bảo hiểm	+0.0	+61.5
Xây dựng và Vật liệu	+4.8	+40.3
Bán lẻ	+26.3	+39.4
Truyền thông	+0.0	+0.1
Ô tô và phụ tùng	-0.0	-0.4
Y tế	+29.0	-0.6
Tài nguyên Cơ bản	+6.2	-6.9
Du lịch và Giải trí	+14.7	-7.3
Dầu khí	-7.8	-52.3
Thực phẩm và đồ uống	+23.3	-69.7
Hóa chất	-0.9	-82.0
Hàng cá nhân & Gia dụng	+3.8	-115.4
Dịch vụ tài chính	+188.6	-117.0
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	+92.6	-226.4
Công nghệ Thông tin	+24.1	-900.0
Tổng	**-175.1**	**-798.2**

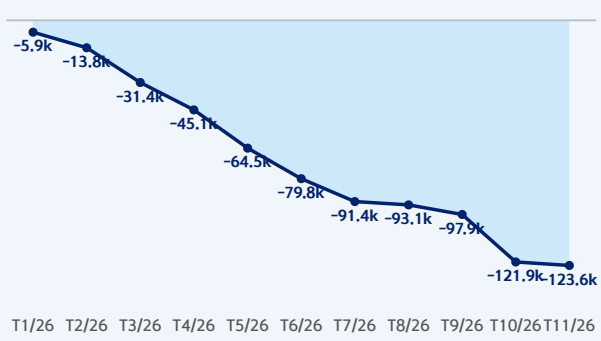
Sắp xếp theo giá trị mua/bán ròng của khối ngoại. Không bao gồm giao dịch thỏa thuận. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DÒNG VỐN NGOẠI THEO THÁNG (TỶ VND)

MUA/BÁN RÒNG THEO THÁNG



LŨY KẾ YTD 2026



Tháng 11/2026: từ 01/10/2026 đến 30/10/2026. k = nghìn tỷ VND. Nguồn: FiinPro.

ETF

TỔNG TÀI SẢN ETF	DÒNG VỐN RÒNG 1W	DÒNG VỐN RÒNG 1M	DÒNG VỐN RÒNG 3M
2,304.0	-17.7	-33.0	+22.8
triệu USD	triệu USD	triệu USD	triệu USD

DÒNG VỐN NGOẠI THEO QUỐC GIA (TRIỆU USD)

Quốc gia	WTD	MTD	QTD	YTD
Trung Quốc*	n/a	+13,045.1	+148,180.1	+166,057.9
Ấn Độ	+2,307.8	+7,523.3	+5,354.4	-22,907.0
Indonesia	+38.0	+28.9	-906.7	-5,572.4
Nhật Bản*	-663.8	-663.8	+49,741.7	+99,065.5
Malaysia	-87.3	+6.4	-204.8	-1,731.5
Hàn Quốc	+199.8	-7,689.4	-22,265.5	-148,947.6
Sri Lanka	-4.0	-6.4	-11.3	-188.7
Đài Loan	-3,850.2	-19,549.0	-51,332.7	-88,255.6
Thái Lan	-25.1	-174.3	-371.1	+442.7
Việt Nam	-42.4	-75.8	-990.8	-4,625.0

** Trung Quốc: số liệu có độ trễ 1 quý; Nhật Bản: số liệu có độ trễ 1 tuần. Nguồn: Bloomberg.*

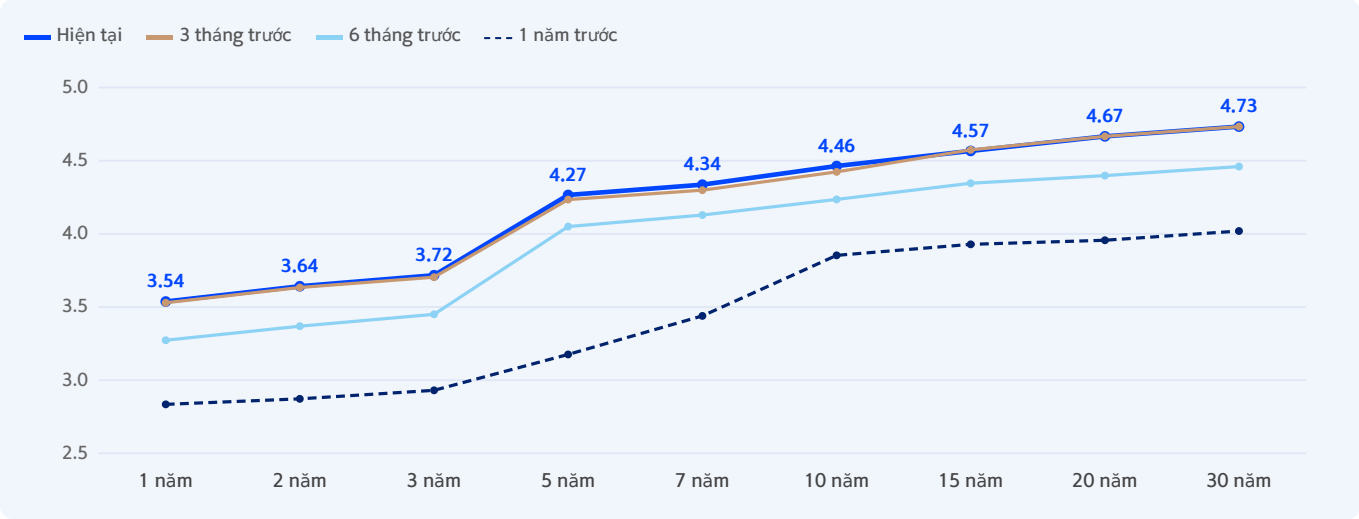
DÒNG VỐN RÒNG VÀO ETF VIỆT NAM (TRIỆU USD)

Tên ETF	Tài sản (triệu USD)	Dòng vốn ròng (triệu USD)			
		1W	1M	3M	YTD
Tổng các quỹ ETF	**2,304.0**	**-17.7**	**-33.0**	**+22.8**	**-207.5**
Nước ngoài	**1,587.0**	**-22.3**	**-37.7**	**+18.2**	**-188.9**
VanEck Vectors Vietnam ETF	451.6	-17.3	-25.9	-42.1	-94.9
Fubon FTSE Vietnam ETF	317.4	-5.0	-10.3	-20.9	-137.6
iShares MSCI Frontier and Select EM ETF	187.9	0.0	0.0	0.0	0.0
Xtrackers FTSE Vietnam Swap ETF	352.2	0.0	-1.6	-13.7	-8.0
KIM KINDEX Vietnam VN30 ETF	260.7	0.0	0.0	+94.9	+52.8
Premia MSCI Vietnam ETF	5.1	0.0	0.0	0.0	-1.3
KIM KINDEX Vietnam VN30 Future	2.4	0.0	0.0	0.0	0.0
Asian Growth CUBS ETF	9.8	0.0	0.0	0.0	0.0
Trong nước	**717.0**	**+4.5**	**+4.7**	**+4.6**	**-18.5**
DCVFMVN Diamond ETF	399.7	-0.6	+0.2	-6.3	0.0
DCVFMVN30 ETF Fund	227.0	+0.4	+3.8	+3.3	-15.2
SSIAM VNFIN LEAD ETF	25.8	+2.4	-0.3	+5.9	+6.1
MAFN VN30 ETF	18.3	0.0	-1.3	-3.5	-15.1
SSIAM VNX50 ETF	10.0	+2.4	+2.4	+4.7	+4.2
VinaCapital VN100 ETF	26.5	0.0	0.0	0.0	0.0
SSIAM VN30 ETF	9.7	0.0	0.0	+0.6	+1.3

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Số liệu vĩ mô

ĐƯỜNG CONG LÃI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ VIỆT NAM (%)



Kỳ hạn	1 năm	2 năm	3 năm	5 năm	7 năm	10 năm	15 năm	20 năm	30 năm
Hiện tại	**3.54**	**3.64**	**3.72**	**4.27**	**4.34**	**4.46**	**4.57**	**4.67**	**4.73**
Tuần trước	3.54	3.64	3.72	4.28	4.34	4.46	4.57	4.67	4.73
3 tháng trước	3.53	3.63	3.70	4.23	4.30	4.42	4.57	4.67	4.73
6 tháng trước	3.27	3.37	3.45	4.05	4.13	4.24	4.35	4.40	4.46
1 năm trước	2.83	2.87	2.93	3.18	3.44	3.85	3.93	3.96	4.02
Thay đổi so với tuần trước (điểm cơ bản)	0.0	0.0	0.0	-1.6	-0.4	-0.2	-0.7	0.0	0.0

Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

TỶ GIÁ

Cặp	Giá	1W	1M	3M	YTD
Chỉ số đô la Mỹ	103.1	+0.8%	+0.9%	+3.2%	+4.9%
VND/USD	25,695.0	+0.4%	-0.9%	-1.4%	-2.3%
KRW/USD	1,338.2	-1.9%	-0.3%	-5.8%	-7.0%
JPY/USD	159.9	+0.9%	+1.0%	+0.3%	+2.1%
EUR/USD	0.9	+0.7%	+1.2%	+4.2%	+6.2%
SGD/USD	1.3	+0.4%	+0.6%	+0.5%	+0.1%
CNY/USD	6.7	-0.1%	-0.3%	-1.1%	-4.5%

Giá: số đơn vị ngoại tệ trên 1 USD. Nguồn: Bloomberg.

HÀNG HÓA

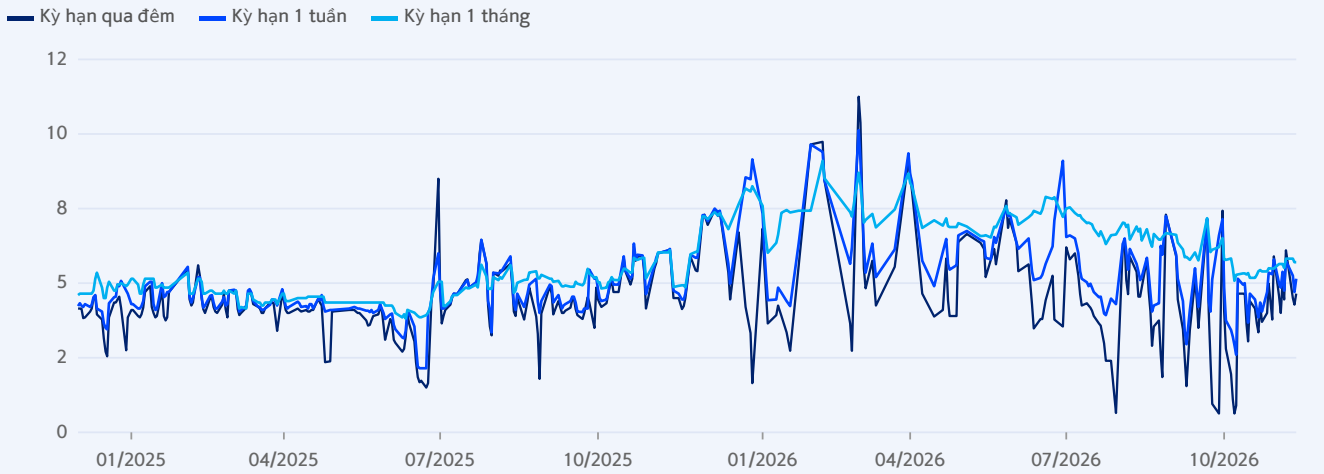
Mặt hàng	Giá	1W	1M	3M	YTD
Dầu thô	88.7	-2.3%	-5.7%	+9.2%	+54.5%
Xăng	265.9	-4.2%	-18.2%	-15.0%	+55.9%
Gas	3.3	+9.3%	-0.2%	+20.2%	-11.1%
Than	145.2	+0.6%	-2.7%	+12.2%	+35.1%
Vàng	3,896.1	-4.3%	-6.4%	-10.4%	-9.8%
Bạc	49.9	-3.8%	-15.6%	-22.6%	-30.3%
Platinum	1,508.8	-2.0%	-9.5%	-12.2%	-26.8%
Quặng sắt	91.6	-1.6%	+0.8%	-3.7%	-14.5%
Thép cán	3,185.0	-0.5%	-3.0%	-1.8%	-2.6%
Lúa mì	595.0	+0.6%	-11.1%	-8.8%	+17.4%
Ngô	447.8	+1.4%	-7.3%	-0.1%	+1.7%

Giá: USD (trừ khi nguồn ghi khác). n/a: Bloomberg không trả dữ liệu. Nguồn: Bloomberg.

LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG (%/NĂM)

Lãi suất liên ngân hàng theo kỳ hạn

02/12/2024 – 12/11/2026



Kỳ hạn	Hiện tại (12/11)	Tuần trước (05/11)	Tháng trước (13/10)	Thay đổi so với tuần trước (điểm %)
Qua đêm	4.65	4.45	4.65	**+0.20**
1 tuần	5.15	4.75	5.00	**+0.40**
1 tháng	5.70	5.51	5.33	**+0.19**

Ngày so sánh là phiên gần nhất có số liệu. Nguồn: Bloomberg.

Độ rộng thị trường

RSI DƯỚI 30 (BÁN QUÁ MỨC)

17

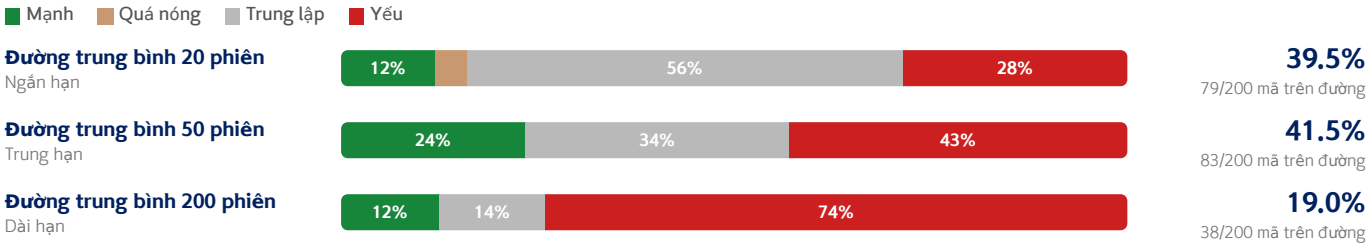
8.5% số mã

RSI TRÊN 70 (MUA QUÁ MỨC)

9

4.5% số mã

TỶ LỆ CỔ PHIẾU TRÊN CÁC ĐƯỜNG TRUNG BÌNH ĐỘNG — 200 CỔ PHIẾU



Số % trong cột phải: tỷ lệ cổ phiếu có giá đóng cửa cao hơn đường trung bình. Ngưỡng xếp loại theo khoảng cách giữa giá và đường trung bình: Yếu: thấp hơn đường trung bình trên 3%; Trung lập: lệch trong khoảng ±3%; Mạnh: cao hơn từ 3% đến 8%; Quá nóng: cao hơn trên 8% (chỉ áp dụng cho đường 20 phiên). Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

XU HƯỚNG THEO NHÓM NGÀNH

NGÂN HÀNG (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
SHB	51.8	Trung lập	Trung lập
MBB	43.8	Trung lập	Trung lập
HDB	56.1	Trung lập	Mạnh
VPB	43.4	Yếu	Yếu
MSB	70.2	Mạnh	Mạnh
TCB	49.5	Trung lập	Trung lập
EIB	44.9	Trung lập	Trung lập
ACB	41.4	Trung lập	Yếu
TPB	58.2	Trung lập	Mạnh
STB	59.5	Mạnh	Trung lập
CTG	58.2	Trung lập	Mạnh
VIB	54.1	Trung lập	Trung lập
SSB	38.2	Trung lập	Yếu
VCB	37.7	Trung lập	Yếu
NAB	73.4	Mạnh	Mạnh
OCB	57.1	Trung lập	Mạnh
BID	34.9	Yếu	Yếu
LPB	40.9	Trung lập	Yếu

BẤT ĐỘNG SẢN (18)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
DXG	61.8	Mạnh	Mạnh
NVL	42.6	Trung lập	Yếu
DIG	55.0	Trung lập	Mạnh
VRE	53.5	Trung lập	Trung lập
PDR	48.4	Trung lập	Trung lập
VIC	59.7	Mạnh	Mạnh
KDH	63.0	Mạnh	Mạnh
VHM	45.5	Trung lập	Yếu
TCH	72.0	Quá nóng	Mạnh
KBC	53.5	Trung lập	Trung lập
HDG	62.7	Mạnh	Mạnh
HDC	67.7	Quá nóng	Mạnh
NLG	68.2	Quá nóng	Mạnh
DXS	41.0	Yếu	Yếu
NTL	65.1	Mạnh	Mạnh
SIP	54.3	Trung lập	Trung lập
SZC	66.5	Mạnh	Mạnh
BCM	39.1	Yếu	Yếu

BẢO HIỂM VÀ DỊCH VỤ TÀI CHÍNH (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
BVH	39.3	Yếu	Yếu
BMI	51.3	Trung lập	Trung lập
BIC	40.5	Trung lập	Yếu
VIX	56.8	Mạnh	Mạnh
SSI	52.8	Trung lập	Trung lập
VND	55.9	Mạnh	Trung lập
VCI	51.2	Trung lập	Trung lập
HCM	40.5	Trung lập	Yếu
TCX	48.2	Trung lập	Yếu
ORS	51.4	Trung lập	Mạnh
VDS	54.7	Trung lập	Trung lập
FTS	50.7	Trung lập	Trung lập
CTS	62.0	Mạnh	Mạnh
BSI	58.0	Trung lập	Mạnh
TCI	39.9	Trung lập	Trung lập
TVB	48.2	Trung lập	Trung lập
DSE	34.0	Trung lập	Yếu

TÀI NGUYÊN CƠ BẢN VÀ XÂY DỰNG VẬT LIỆU (16)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
HPG	50.2	Trung lập	Trung lập
NKG	62.7	Trung lập	Mạnh
HSG	53.8	Trung lập	Mạnh
SMC	40.1	Yếu	Yếu
CII	55.1	Trung lập	Mạnh
HHV	52.4	Trung lập	Trung lập
VCG	49.8	Trung lập	Trung lập
PC1	47.4	Trung lập	Trung lập
FCN	58.5	Trung lập	Mạnh
VGC	41.5	Yếu	Yếu
DPG	66.8	Quá nóng	Mạnh
CTD	78.2	Quá nóng	Mạnh
CTR	25.6	Yếu	Yếu
HT1	51.3	Trung lập	Mạnh
CTI	69.4	Mạnh	Mạnh
BMP	25.6	Yếu	Yếu

HÀNG & DỊCH VỤ CÔNG NGHIỆP VÀ HÀNG CÁ NHÂN & GIA DỤNG (17)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
GEX	39.2	Yếu	Yếu
VSC	53.5	Trung lập	Trung lập
PVT	40.7	Yếu	Yếu
GMD	58.6	Trung lập	Mạnh
HAH	45.7	Trung lập	Trung lập
GEE	37.9	Yếu	Yếu
VOS	43.3	Yếu	Yếu
APH	47.5	Trung lập	Trung lập
VTP	53.5	Trung lập	Trung lập
SBG	59.7	Trung lập	Trung lập
REE	75.5	Mạnh	Mạnh
PAC	50.4	Trung lập	Trung lập
TV2	69.2	Mạnh	Mạnh
TCM	44.3	Trung lập	Yếu
TLG	47.2	Trung lập	Trung lập
PNJ	28.7	Yếu	Yếu
MSH	58.7	Trung lập	Mạnh

CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ BÁN LẺ (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
FPT	30.9	Yếu	Yếu
SAM	52.4	Trung lập	Trung lập
ELC	31.8	Yếu	Yếu
CMG	29.0	Yếu	Yếu
MWG	45.7	Trung lập	Trung lập
DGW	37.9	Yếu	Yếu
PET	49.8	Trung lập	Mạnh
FRT	53.8	Trung lập	Mạnh

DẦU KHÍ & ĐIỆN NƯỚC VÀ TIỆN ÍCH (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
PVD	31.4	Yếu	Yếu
BSR	29.7	Yếu	Yếu
PLX	41.8	Trung lập	Yếu
POW	62.7	Mạnh	Mạnh
NT2	59.2	Trung lập	Mạnh
GAS	36.3	Yếu	Yếu
GEG	42.5	Trung lập	Trung lập
PPC	18.2	Yếu	Yếu

THỰC PHẨM VÀ ĐỒ UỐNG (8)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
MSN	48.1	Trung lập	Trung lập
VNM	31.1	Yếu	Yếu
DBC	54.4	Trung lập	Trung lập
BAF	62.9	Trung lập	Trung lập
SAB	48.0	Trung lập	Trung lập
ANV	43.0	Yếu	Trung lập
VHC	55.2	Trung lập	Trung lập
MCH	18.5	Yếu	Yếu

TRUYỀN THÔNG VÀ Y TẾ (5)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
YEG	53.5	Trung lập	Trung lập
DCL	41.7	Yếu	Trung lập
DBD	38.1	Trung lập	Yếu
TNH	40.1	Yếu	Yếu
JVC	30.9	Yếu	Yếu

DU LỊCH & GIẢI TRÍ VÀ Ô TÔ PHỤ TÙNG (7)

Mã	RSI	Ngắn hạn	Trung hạn
VPL	79.6	Mạnh	Mạnh
VJC	76.1	Mạnh	Mạnh
HVN	57.2	Mạnh	Mạnh
SCS	43.5	Trung lập	Yếu
VNG	52.8	Trung lập	Trung lập
HAX	34.0	Trung lập	Yếu
DRC	32.8	Trung lập	Yếu

RSI: chỉ số sức mạnh tương đối. Ngắn hạn: so với đường trung bình 20 phiên; Trung hạn: so với đường 50 phiên. Nguồn: Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam.

Danh sách theo dõi

DANH SÁCH THEO DÕI TIỀM NĂNG

STT	Cổ phiếu	Giá hiện tại	Giá mục tiêu	Vùng mua tiềm năng	Lợi nhuận kỳ vọng (tính từ giá hiện tại)	Ghi chú
1	**HPG**	21.1	22.5	NA	**+7.0%**	KQKD vẫn duy trì đà tăng tốt, thanh khoản và giá cải thiện đáng kể trên MA 50
2	**DPG**	32.9	NA	NA	NA	KQKD Quý III/2026: doanh thu thuần 1,854 tỷ đồng (tăng 57%), lợi nhuận sau thuế 105 tỷ đồng (tăng 26%). Đà tăng mạnh của cổ phiếu xác nhận xu hướng khỏe uptrend của DPG. Nếu có nhịp điều chỉnh phù hợp có thể tham gia
3	**Nhóm BDS: KDH NLG TCH PDR...**	NA	NA	NA	NA	Định giá thấp, được hưởng lợi trước các thông tin hạ lãi suất, và NHNN thực hiện hoán đổi ngoại tệ kỳ hạn 6 tháng, quy mô 2 tỷ USD. Dòng tiền tham gia mạnh mẽ và lan tỏa rõ rệt tại nhóm này

NA: chưa có số liệu. Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

DANH SÁCH CỔ PHIẾU RỦI RO CAO NÊN TRÁNH

STT	Ngành	Cổ phiếu	Ghi chú
1	Hàng cá nhân & gia dụng	**PNJ**	PNJ đang có cú shock về cả KQKD và niềm tin của thị trường. Cổ phiếu giảm sàn liên tục và việc tham gia là rất rủi ro. Quý 3/2026 lỗ sau thuế gần 258 tỷ đồng (cùng kỳ lãi 496 tỷ đồng), doanh thu giảm 14%, biên lợi nhuận gộp giảm từ 19.8% xuống 8.7%
2	Công nghệ	**FPT**	Cổ phiếu thủng đáy, tăng trưởng KQKD đã chậm lại rõ rệt so với nền 18-22%/năm giai đoạn 2021-2024, và áp lực bán ròng của khối ngoại cộng với nguồn cung mới từ ESOP và cổ phiếu thưởng vẫn là lực cản ngắn hạn. Rủi ro còn lại là áp lực bán của khối ngoại: một phiên mua ròng chưa đủ để đảo xu hướng sau 10 tháng bán ròng, nên nhịp hồi cần thêm thời gian xác nhận.

Nguồn: FiinPro, Shinhan Securities Vietnam.

Mạng lưới Shinhan Investment

MẠNG LƯỚI SHINHAN INVESTMENT

SEOUL

Shinhan Securities Corp.
Shinhan Investment Tower
70, Youido-dong, Yongdungpo-gu,
Seoul, Korea 150-712
Tel : (82-2) 3772-2700, 2702
Fax : (82-2) 6671-7573

NEW YORK

Shinhan Investment America Inc.
1325 Avenue of the Americas Suite 702,
New York, NY 10019
Tel : (1-212) 397-4000
Fax : (1-212) 397-0032

HONG KONG

Shinhan Investment Asia Ltd.
Unit 7705 A, Level 77
International Commerce Centre
1 Austin Road West
Kowloon, Hong Kong
Tel : (852) 3713-5333
Fax : (852) 3713-5300

INDONESIA

PT Shinhan Sekuritas Indonesia
30th Floor, IFC 2, Jl. Jend. Sudirman Kav.
22-23, Jakarta, Indonesia
Tel : (62-21) 5140-1133
Fax : (62-21) 5140-1599

SHANGHAI

Shinhan Investment Corp.
Shanghai Representative Office
Room 104, Huaneng Union Mansion No.958,
Luijiazui Ring Road, PuDong, Shanghai, China
Tel : (86-21) 6888-9135/6
Fax : (86-21) 6888-9139

HO CHI MINH

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
18th Floor, The Mett Tower, 15 Tran Bach Dang Street, Thu Thiem Ward, Thu Duc City, Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000
Fax : (84-8) 6299-4232

HA NOI

Shinhan Securities Vietnam Co., Ltd.
Hanoi Branch
2nd Floor, Leadvisors Building, No. 41A Ly Thai To, Ly Thai To Ward, Hoan Kiem District, Hanoi, Vietnam
Tel : (84-8) 6299-8000

Thông báo tuân thủ

- Tôi/chúng tôi, với tư cách là chuyên viên/các chuyên viên chuẩn bị bản báo cáo này, cam kết nội dung trình bày ở trên phản ánh chính xác quan điểm của tôi/chúng tôi về các chủ đề chứng khoán và tổ chức phát hành được thảo luận trong bài nghiên cứu. Hơn nữa, tôi/chúng tôi cũng xác nhận rằng bài báo cáo này được soạn thảo mà không phải chịu bất kỳ áp lực hoặc sự can thiệp bất hợp lí nào từ bên ngoài.
- Bản báo cáo này là tài liệu tham khảo cho đầu tư dựa trên các dữ liệu trong quá khứ, vì thế những biến động giá cổ phiếu trong tương lai có thể khác với các xu hướng đã được hình thành.
- Các dữ liệu này phản ánh chính xác quan điểm của người phụ trách nghiên cứu và phân tích về chứng khoán của doanh nghiệp, nhưng các quan điểm và những ước tính này có thể có sai sót. Vì vậy, việc lựa chọn cổ phiếu và đưa ra quyết định đầu tư cuối cùng nên phụ thuộc vào chính mỗi nhà đầu tư.
- Các dữ liệu nghiên cứu và phân tích chỉ được gửi tới cho khách hàng của chúng tôi, do đó không được phép sao chép, chuyển tiếp, hay gửi lại cho các đơn vị khác trong mọi trường hợp mà chưa được sự cho phép của chúng tôi.

Miễn trừ trách nhiệm

- Báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing dành cho thị trường / chứng khoán Việt Nam được thực hiện và phát hành bởi Phòng Phân Tích của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, công ty được cấp giấy phép đầu tư của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Chuyên viên phân tích, người thực hiên và phát hành báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing, được cấp chứng chỉ hành nghề và được quản lý bởi UBCKNN Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.
- Báo cáo này được viết nhằm mục đích chỉ cung cấp thông tin. Bản báo cáo này không nên và không được diễn giải như một đề nghị mua hoặc bán hoặc khuyến khích mua hoặc bán bất cứ khoản đầu tư nào. Khi xây dựng bản báo cáo này, chúng tôi hoàn toàn đã không cân nhắc về các mục tiêu đầu tư, tình hình tài chính hoặc các nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư. Cho nên khi đưa ra các quyết định đầu tư cho riêng mình, các nhà đầu tư nên dựa vào đánh giá cá nhân hoặc tư vấn của chuyên gia tư vấn tài chính độc lập của mình và tùy theo tình hình tài chính cá nhân, mục tiêu đầu tư và các quan điểm thích hợp khác trong từng hoàn cảnh. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam không đảm bảo nhà đầu tư sẽ đạt được lợi nhuận hoặc được chia sẻ lợi nhuận từ các khoản đầu tư. Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam, hoặc các bên liên quan, và các nhân sự cấp cao, giám đốc và nhân viên tuyên bố miễn trừ trách nhiệm với các khoản lỗ hoặc tổn thất liên quan đến việc sử dụng toàn bộ hoặc một phần báo cáo này. Thông tin và nhận định có thể thay đổi bất cứ lúc nào mà không cần báo trước và có thể khác hoặc ngược với quan điểm được thể hiện trong các mảng kinh doanh khác của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Quyết định đầu tư cuối cùng phải dựa trên các đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo phân tích này và các tài liệu marketing không thể được sử dụng như là chứng cứ cho các tranh chấp pháp lý liên quan đến các quyết định đầu tư.
- Copy @ 2020 của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam. Báo cáo này không được sao chụp, nhân bản hoặc xuất bản (toàn bộ hoặc từng phần) hoặc tiết lộ cho bất kỳ người nào khác mà không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Chứng Khoán Shinhan Việt Nam.

Nguồn: FiinPro-X, Bloomberg, Shinhan Securities Vietnam

Analyst: Nam Hoang, CFA · Research Labs · Shinhan Securities Vietnam · (84-28) 6288-7000 - Ext: 7603

Báo cáo này được thực hiện bởi Phòng Phân tích — Công ty Chứng khoán Shinhan Việt Nam, được cấp phép bởi UBCKNN Việt Nam.
Thông tin chỉ mang tính tham khảo, không phải khuyến nghị mua/bán. Quyết định đầu tư cuối cùng thuộc về nhà đầu tư.